TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/DS-ST
Ngày: 02-02-2024
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Võ Văn Cường**
2. Ông **Trần Văn Nhu**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Cao Trần Khắc Huy** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang*** *không tham gia phiên tòa.*

Ngày 02 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 769/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:
1.1 Ông **Trần Văn N** sinh năm: 1965
1.2 Bà **Trần Thị T** sinh năm: 1967
Cùng địa chỉ: tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang
2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu H** sinh năm: 1968
Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang
(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 12 năm 2023, biên bản hòa giải ngày 24 tháng 01 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Văn N, bà Trần Thị T trình bày: Ông bà có cho bà Nguyễn Thị Thu H vay 04 lần tiền tổng cộng là 70.000.000 đồng, khi vay bà H có làm biên nhận cho ông bà và hứa 02 tháng sau trả tiền lại cho ông bà, sau khi vay đến nay bà H không có trả tiền cho ông bà mặc dù ông bà có yêu cầu bà H trả nợ. Nay ông bà xác định bà H nợ ông bà 70.000.000 đồng, ông bà yêu cầu bà H trả 70.00.000 đồng làm 01 lần vào ngày 02 tháng 5 năm 2024.

Tại biên bản hòa giải ngày ngày 24 tháng 01 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Bà thống nhất có nợ

ông Trần Văn N, bà Trần Thị T số tiền 70.000.000 đồng nhưng đã trả được 7.200.000 đồng còn nợ lại 6.200.000 đồng. Bà đồng ý trả số tiền 62.800.000 đồng vào ngày 02 tháng 5 năm 2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Trần Văn N, bà Trần Thị T khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu H về việc vay tiền, bà H cư trú tại ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Trần Văn N, bà Trần Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H trả tiền vay còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung: Giữa ông Trần Văn N, bà Trần Thị T và bà Nguyễn Thị Thu H thực tế có xảy ra quan hệ vay tài sản với nhau được hai bên thừa nhận, thể hiện qua các giấy biên nhận do ông N, bà T cung cấp, có chữ ký tên của bà H. Các giấy mượn tiền ngày 29 tháng 10 năm 2020, ngày 16 tháng 3 năm 2021, ngày 22 tháng 3 năm 2021, ngày 25 tháng 4 năm 2021 có nội dung thể hiện Ngọc T vay chú thiếm T tổng cộng số tiền là 70.000.000 đồng. Tại phiên tòa các đương sự thống nhất Ngọc T và chú thiếm T trong các biên nhận là ông Trần Văn N, bà Trần Thị T và bà Nguyễn Thị Thu H; bà H thừa nhận có vay ông N, bà T 70.000.000 đồng nhưng đã trả được số tiền 7.200.000 đồng còn nợ lại 62.800.000 đồng xin trả trong thời hạn 02 tháng; ông N, bà T xác định bà H không có trả số tiền 7.200.000 đồng cho ông bà, vẫn còn nợ ông bà 70.000.000 đồng, yêu cầu bà H trả 01 lần. Xét thấy, bà H trình bày đã trả cho ông N, bà T 7.200.000 đồng nhưng bà H không có chứng cứ gì chứng minh đã trả cho ông N bà T số tiền 7.200.000 đồng nên xác định bà H vẫn còn nợ ông N, bà T 70.000.000 đồng. Xét thấy, bà H đã nhận được quyền của mình là nhận tiền vay đầy đủ từ ông N, bà T nhưng bà H lại không thực hiện việc trả tiền theo thỏa thuận mà cứ hẹn lần mặc dù ông N, bà T đã nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ là cố tình kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông N, bà T. Do đó, cần buộc bà H phải có nghĩa vụ trả ông N, bà T số tiền vay còn nợ 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) làm 01 lần vào ngày 02 tháng 5 năm 2024 là phù hợp điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N, bà Trần Thị T được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông Trần Văn N, bà Trần Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của ông N, bà T được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N, bà Trần Thị T.

1.1 Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả ông Trần Văn N, bà Trần Thị T số tiền vay còn nợ là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), trả làm 01 lần vào ngày 02 tháng 5 năm 2024.

1.2 Kể từ ngày ông Trần Văn N, bà Trần Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị Thu H chậm thi hành đối với số tiền trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1 Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

2.2 Ông Trần Văn N, bà Trần Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông N, bà T 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014753 ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ